

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 08 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Duy

Ông Nguyễn Khắc Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 tháng 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Đoàn Đức Đ**, sinh năm 1988 tại T, P, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đức H và bà Cao Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Th (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/4/2005 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi hủy hoại tài sản; ngày 21/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 06 tháng tù về tội hủy hoại tài sản; ngày 08/8/2019 bị Công an huyện P khởi tố về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “có mặt” (*bị cáo bị tạm giữ, tạm giam về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*).

2. **Trần Tiến L1**, sinh năm 1987 tại T, P, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 25/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản và ngày 22/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/4/2013 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi hủy hoại tài sản; ngày 19/5/2019 bị Công an huyện P xử phạt hành

chính phạt tiền về hành vi đánh nhau; tạm giữ ngày 02/8/2019; tạm giam ngày 08/8/2019; bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

Bị hại: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1976; trú tại: Thôn T3, xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

- 1/ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957 “vắng mặt”;
- 2/ Anh Trần Văn H2, sinh năm 1980 “vắng mặt”;
- Đều trú tại: Thôn T1, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
- 3/ Anh Vũ Đình Ch, sinh năm 1992 “vắng mặt”;
- 4/ Chị Dương Thị Q, sinh năm 1992 “vắng mặt”;
- Đều trú tại: Thôn Đ1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/8/2019, Đoàn Đức Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe 67, màu sơn đen, biển kiểm soát 94FA-5389 đến nhà Trần Tiến L1 ở cùng thôn chơi và ăn cơm. Sau khi ăn cơm đến khoảng 11 giờ cùng ngày Đ rủ L1 đi chơi, cả hai đi bằng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh nõn chuối, biển kiểm soát 16L2-3625 của Trần Tiến L1. Đ là người điều khiển xe chở L1, khi đến khu vực cầu Đ2 thuộc thôn T3, xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên cả hai phát hiện 01 chiếc xe lôi kéo được làm từ các đoạn tuýt sắt của gia đình ông Phạm Văn H1 ở thôn T3, xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên để ở mé đường bên phải theo hướng di chuyển của Đ. Đ nói với L1 “chiếc xe kia ngon nhỉ”, L1 hiểu ý Đ là lấy chiếc xe trên. L1 liền bảo Đ dừng xe, quan sát xung quanh không có người, L1 kéo chiếc xe rồi ngồi sau cầm càng kéo xe lôi di chuyển hướng về xã M1, huyện P. Khi đến địa phận thôn Đ1, xã M, huyện T5, tỉnh Hưng Yên cả hai thấy có cửa hàng thu mua sắt vụn, phế liệu của vợ chồng anh Vũ Đình Ch và chị Dương Thị Q nên đã vào thỏa thuận, bán chiếc xe lôi được 600.000 đồng. Số tiền bán xe được L1 và Đ chia nhau mỗi người 300.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kê luận định giá tài sản số: 24/2019/KL-HĐ của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 xe lôi kéo được làm từ các đoạn tuýt sắt trị giá 3.500.000 đồng.

Việc anh Vũ Đình Ch và chị Dương Thị Q là người mua xe lôi do Đ và L1 bán, khi mua xe anh chị không biết xe do trộm cắp mà có, đồng thời đã tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan điều tra nên không xem xét, xử lý. Anh Ch và chị Q có yêu cầu Đ, L1 phải bồi thường số tiền đã mua xe là 600.000 đồng.

01 chiếc xe lôi xác định là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn H1, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông H1 nhận đủ, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh nõn chuối, biển kiểm soát 16L2-3625 của Trần Tiến L1 dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản, hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT - VKSPC ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Đoàn Đức Đ và Trần Tiến L1 về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đối với bị cáo Đ và L1 về Tội trộm cắp tài sản. Đồng thời đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với 02 bị cáo) và (điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với L1); Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tiến L1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/08/2019 và xử phạt bị cáo Đoàn Đức Đ từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này. Xét 02 bị cáo đều nghiện chất ma túy, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Đ, L1 có lỗi gây thiệt hại nên phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Ch, chị Q số tiền 600.000 đồng, tại phiên tòa Đ và L1 thỏa thuận mỗi người bồi thường một nửa là 300.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh nõn chuối, biển kiểm soát 16L2 - 3625 của Trần Tiến L1 là phương tiện để phạm tội cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Đ và L1 đều thành khẩn nhận tội và nhất trí bồi thường trả cho vợ chồng anh Ch, chị Q số tiền mua xe ba gác bị thu giữ; đồng thời tại phiên tòa Đ, L1 thỏa thuận số tiền bồi thường trên chia đều mỗi người chịu một nửa là 300.000 đồng. Cả 02 bị cáo đều đề nghị xin được giảm nhẹ mức hình phạt để sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Đoàn Đức Đ, Trần Tiến L1 tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với nhau; đồng thời phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan vụ án; phù hợp các vật chứng thu giữ và kết luận định giá tài sản, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/08/2019 tại thôn T3, xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên Đoàn Đức Đ và Trần Tiến L1 đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe lôi kéo được làm từ các đoạn tuýp sắt trị giá 3.500.000 đồng của ông Phạm Văn H1 ở thôn T3, xã T4, huyện P, tỉnh Hưng Yên đem đi tiêu thụ bán bằng

giá sắt phế liệu cho vợ chồng anh Vũ Đình Ch và chị Dương Thị Q được 600.000 đồng, chia nhau hưởng lợi mỗi bị cáo được 300.000 đồng.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi các bị cáo thực hiện như phân tích đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố Đoàn Đức Đ và Trần Tiến L1 về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bản thân 02 bị cáo đều có nhân thân xấu: Bị cáo Đ đã bị Công an huyện P xử phạt hành chính và Tòa án nhân dân huyện P xét xử đều về hành vi hủy hoại tài sản; sau 01 ngày trộm cắp tài sản bị cáo Đ lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị khởi tố, truy tố, xét xử bằng một vụ án khác thể hiện sự coi thường pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng việc trộm cắp xe lô và cùng đồng phạm L1 thực hành tích cực, nên phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án. Bị cáo L1 đã 01 lần bị Công an xử phạt hành chính về hành vi hủy hoại tài sản và đã hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm vào tội cùng loại thể hiện ý thức kém, coi thường pháp luật, không chịu phần đầu tư dưỡng làm ăn lương thiện; do bị cáo L1 phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”, theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, trong vụ án này bị cáo là người thực hiện tội phạm tích cực nên cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với nhân thân, vai trò và hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét, tài sản các bị cáo trộm cắp giá trị thiệt hại không lớn, cơ quan điều tra đã thu giữ trả cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa 02 bị cáo đều khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cả 02 bị cáo đều không công ăn việc làm, không có tài sản và nghiện chất ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. Trách nhiệm dân sự: Vợ chồng anh Ch và chị Q phải bỏ ra số tiền 600.000 đồng mua chiếc xe lô, khi mua anh chị không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên đã gây thiệt hại cho vợ chồng anh Ch và vợ chồng anh Ch có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại là có cơ sở chấp nhận. Do đó, buộc 02 bị cáo Đ và L1 phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Ch và chị Q khoản tiền trên, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường một nửa bằng 300.000 đồng.

[5]. Biện pháp tư pháp:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh nõn chuối, biển kiểm soát 16L2-3625 của Trần Tiến L1, chiếc xe này các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để thực hiện tội phạm, nên tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án và bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Đức Đ và Trần Tiến L1 phạm Tội trộm cắp tài sản.

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Đức Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày thi hành hình phạt của bản án này.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Tiến L1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 02/8/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 và 357 của Bộ luật Dân sự.

Buộc hai bị cáo Đoàn Đức Đ và Trần Tiến L1 phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Vũ Đình Ch, sinh năm 1992 và chị Dương Thị Q, sinh năm 1992; cùng trú tại: Thôn Đ1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên số tiền là 600.000đ, (sáu trăm nghìn đồng); chia theo phần: Bị cáo Đoàn Đức Đ phải bồi thường 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) và bị cáo Trần Tiến L1 phải bồi thường 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tịch thu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu xanh nõn chuối, biển kiểm soát 16L2-3625 của Trần Tiến L1 cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

(Chi tiết về số lượng, chất lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng được mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ngày 07/10/2019).

Án phí: Các bị cáo Đoàn Đức Đ và Trần Tiến L1, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; đã báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên(PKTNV&THA);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các bị cáo Đ, L1;
- Bị hại ông H1;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền